

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Trâm và bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 491/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1994. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Kh, sinh năm: 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dân trình bày:

Bà và ông Bùi Kh tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Hải ngày 09/3/2015. Quá trình chung sống vợ chồng có một người con chung là Bùi Ngọc Bảo A, sinh ngày: 08/9/2015, hiện người con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông Kh đi làm công trình, thường xuyên vắng nhà nên mâu thuẫn không được hàn gắn mà ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2021, bà đưa con về

nhà mẹ ruột bà sinh sống và vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa nên nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Kh.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung vì hiện cháu đang sống với bà và không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con vì hiện bà đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000^d đủ khả năng nuôi con. Ông Kh thỉnh thoảng có gửi tiền để mua sữa cho con nên bà không yêu cầu cấp dưỡng hằng tháng cụ thể.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến nên không có lời trình bày gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Kh và yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Thành Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Kh xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà D – ông Kh sống chung cùng gia đình chồng. Sau đó, vì bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông Kh đi làm công trình, thường xuyên vắng nhà nên mâu thuẫn không được hàn gắn mà ngày càng trầm trọng nên đầu năm 2021 bà D đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại Biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Ng là mẹ ruột ông Kh cũng xác định hiện hai vợ chồng cháu không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà D - ông Kh đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Kh là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Tòa án đã thông báo cho ông Kh biết việc bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung nhưng ông Kh không có ý kiến phản đối gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cho bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung.

[2.4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu ông Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Bùi Kh.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là Bùi Ngọc Bảo A, sinh ngày: 08/9/2015. Ông Bùi Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0003723 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh
- UBND xã Thành Hải (Số: 13/2015);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Châu